

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2024/DS-PT

Ngày: 04-12-2024

V/v “Tranh chấp về bồi thường thiệt
hại do chấm dứt hợp đồng”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Trung

Bà Thái Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 và ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 05 năm 2024 về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 209/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T4. Địa chỉ: Số H đường H, xóm A, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T - Chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T4. Có mặt.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Khối H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Hồng V. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T1 - Chức vụ: Trưởng phòng tài chính - Kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện T4. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Quang Văn Đ - Nguyên Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Khối H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Công ty Cổ phần T5: Vắng mặt.

- Ông Cao Bá H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xóm B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

- Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T4.

- Bị đơn Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ý kiến của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T4:

Ngày 24/6/2010, Ban điều hành kiên cố hóa trường lớp học huyện T (nay là Ban quản lý dự án huyện T) và Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 (gọi tắt là Công ty T4) đã ký hợp đồng số 27/2010/HĐKT/BĐH về việc thi công nhà học 02 tầng 08 phòng Trường Trung học cơ sở L, huyện T, tỉnh Nghệ An (gọi tắt là công trình Trường THCS L). Để đáp ứng yêu cầu về tiến độ công trình Công ty T4 đã tiến hành đưa máy móc, thiết bị, nhân lực vào để thi công công trình. Quá trình thi công, Công ty T4 đã đào và vận chuyển trên 40.000 m³ đất, đá. Do phần mái ta luy địa chất yếu, bị sạt lở không thể tiếp tục thi công được nên đến ngày 27/10/2010, Công ty T4 buộc phải tạm dừng thi công. Ngày 20/12/2010, đại diện chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, đơn vị thi công đã tiến hành lập biên bản kiểm tra và xử lý hiện trường, ghi nhận khối lượng Công ty T4 đã thực hiện trên 40.000 m³ đất và đá và Công ty T4 dừng việc thi công công trình.

Ngày 05/7/2013, Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An (gọi tắt là UBND huyện T4) ban hành văn bản số 408/UBND-CT về việc chấm dứt thi công công trình Trường THCS L và đồng ý cho nhà thầu thanh quyết toán khối lượng thực tế đã thực hiện được tại hiện trường và các chi phí tập kết máy móc, chi phí chuyển quân và các chi phí khác (nếu có). Sau nhiều buổi làm việc hai bên chỉ thống nhất được khối lượng đào và vận chuyển đất, đá trên 40.000 m³, không thống nhất được các chi phí tập kết máy móc, thiết bị và các chi phí khác có liên quan nên UBND huyện T4 chỉ thanh toán cho Công ty T4 số tiền 484.328.000 đồng.

Công ty T4 không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện T4 phải thanh toán thêm các khoản tiền như sau:

- Giá trị san nền: 216.769.000 đồng.

- Chi phí thiệt hại công trình gồm:

+ Tiền lương cho cán bộ trong thời gian 04 tháng chờ đợi xử lý hiện trường chờ quyết định của UBND huyện T4: 297.401.000 đồng.

+ Khấu hao máy móc gồm có 2 máy xúc 1 máy ủi, 3 ô tô những thiết bị này một phần là của công ty một phần công ty đi thuê là: 273.160.000 đồng.

+ Tiền đặt cọc mua vật tư hủy hợp đồng: 200.500.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty T4 yêu cầu UBND huyện T4 phải bồi thường là 987.830.000 đồng.

2. Ý kiến của bị đơn Ủy ban nhân dân huyện T4:

Công trình thi công nhà học 02 tầng 08 phòng Trường THCS L bắt đầu thực hiện từ 2010 và phải dừng thi công do sạt lở không thể triển khai tiếp được. Về khối lượng đã được các bên đánh giá thực tế và đã thống nhất với nhau. UBND huyện T4 đã có các văn bản chỉ đạo nhưng Công ty T4 không phối hợp. Công ty T4 cung cấp các hạng mục yêu cầu bồi thường nhưng không có các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho các hạng mục yêu cầu bồi thường. Hiện tại hiện trạng công trình đã biến dạng không có cơ sở để chứng minh việc bồi thường nên UBND huyện T4 yêu cầu Công ty T4 cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh số tiền mà Công ty T4 yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật và quy định trong hợp đồng nhưng Công ty T4 không cung cấp.

3. Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Quang Văn Đ: Ông Quang Văn Đ là người ký ban hành Công văn 408/UBND-CT ngày 05/7/2012; khi ký ban hành công văn các cơ quan liên quan đã thống nhất các nội dung để Văn phòng ban hành văn bản chỉ đạo. Chủ trương của UBND huyện là đồng ý thực hiện theo công văn, còn việc không thống nhất được là do khối lượng sạt lở và các chi phí khác. Công văn này là do ban kiên cố hóa trường học và Phòng Công thương UBND huyện T4 tham mưu xây dựng và người trực tiếp chỉ đạo là Chủ tịch UBND huyện tại thời điểm đó là ông Nguyễn Hồ C. Hiện văn bản này không có lưu trữ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 189 của Bộ luật Dân sự; khoản 4, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; căn cứ hợp đồng kinh tế số: 27/2010/HĐKT/BĐH ngày 24/6/2010. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng dân sự” của nguyên đơn Công ty TNHH T4 về tiền lương công nhân, khấu hao máy móc. Bác yêu cầu của của nguyên đơn về hợp đồng đặt cọc mua vật tư.

Buộc UBND huyện T4 phải bồi thường thiệt hại theo hợp đồng thi công, công trình số tiền là 787.330.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 26/01/2024, bị đơn UBND huyện T4 có đơn kháng cáo với nội dung: Việc xác định thiệt hại do nguyên đơn đưa ra; tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản phô tô, nếu là tài liệu công chứng nhưng không có biên bản đối chiếu hồ sơ gốc. Thiệt hại nguyên đơn đưa ra không phù hợp với quy định pháp luật, không được xác nhận của bên liên quan, thiếu cơ sở và không tuân thủ hợp đồng xây lắp đã ký giữa hai bên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm kiểm tra tính xác thực của hồ sơ thiệt hại của nguyên đơn, yêu cầu các bên liên quan kiểm tra tính đúng, đủ, thời gian lập hồ sơ, phải có ý kiến xác nhận của đơn vị tư vấn giám sát với giám sát hiện trường là kỹ sư Cao Bá H. Đề nghị triệu tập tư vấn giám sát hiện trường để kiểm tra tính chính xác.

Xác định thời gian lập hồ sơ liên quan do khi xảy ra sự cố, nguyên đơn không tổ chức lập nhật ký thi công hàng ngày (theo quy định nhật ký có các nội dung huy động vật liệu, máy móc, nhân công và công việc thực hiện trong ngày và được tư vấn giám sát hiện trường xác nhận). Ngoài ra để đủ điều kiện nghiệm thu khối lượng theo quy định còn cần bản vẽ hoàn công, tuy nhiên hồ sơ nguyên đơn cung cấp không có là vi phạm quy định tại hợp đồng xây lắp đã ký kết giữa hai bên. Toàn bộ hồ sơ nhật ký thi công nguyên đơn giao nộp có dấu hiệu không trung thực; theo thông tin liên lạc với tư vấn giám sát hiện trường là ông Cao Bá H thì ông H chưa ký hồ sơ nhật ký của dự án. Như vậy cần xác thực lại chữ ký trên hồ sơ nhật ký thi công do Công ty T4 cung cấp là do ai ký. Nếu như vậy hồ sơ nhật ký thi công trên hoàn toàn không có giá trị pháp lý, từ đó không đủ cơ sở tính toán, xác định thiệt hại như nguyên đơn đã nêu.

Đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm 01/2024/DS-ST ngày 15/01/2024 để giải quyết lại.

- Ngày 30/01/2024, Công ty T4 có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An về nội dung bác đơn yêu cầu về bồi thường thiệt hại tiền đặt cọc mua vật tư khi phải hủy bỏ hợp đồng đặt cọc là 200.500.000 đồng và tiền án phí phải chịu là 10.025.500 đồng. Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: Chấp nhận yêu cầu của Công ty T4 về việc buộc UBND huyện T4, tỉnh Nghệ An bồi thường tiền đặt cọc khi mua vật tư khi phải hủy bỏ hợp đồng với số tiền 200.500.000 đồng và Công ty T4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngày 29/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An với các nội dung:

+ Tòa án cấp sơ sơ thẩm không triệu tập và đưa các đơn vị tư vấn thiết kế, giám sát thi công vào tham gia tố tụng để làm rõ trách nhiệm liên quan đến việc bồi thường, mức độ thiệt hại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết toàn diện vụ án. Tòa án cũng chưa làm rõ, đã có cơ quan chuyên môn nào kết luận về nguyên nhân dẫn đến việc công trình không thể thực hiện được như quyết định phê duyệt đầu tư. Nếu không thì cần phải trưng cầu giám định cơ quan chuyên môn để kết luận về nguyên nhân, trách nhiệm

dẫn đến việc sạt lở đất và phải chấm dứt việc thi công để có cơ sở xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

+ Công văn số 1117 SXD/HĐXD ngày 15/8/2011 của Sở Xây dựng tỉnh N cho ý kiến về đề xuất thay đổi thiết kế công trình là văn bản photo không được công chứng chứng thực nên chưa phù hợp với quy định tại Điều 94, Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường 04 nội dung: Chi phí san nền là 216.769.000 đồng, chi phí nhân công là 297.401.000 đồng, chi phí khấu hao máy móc là 273.160.000 đồng, thiệt hại do bị phạt cọc là 200.500.000 đồng. Tòa án tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về chi phí nhân công, khấu hao máy móc; bác yêu cầu của nguyên đơn về hợp đồng đặt cọc mua vật tư. Đối với nội dung “chi phí san nền”, phần nhận định, bản án đã nhận định bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn. Tuy nhiên, trong phần quyết định không tuyên chấp nhận hay không chấp nhận nội dung yêu cầu này, nếu chấp nhận thì quyết định mức bồi thường là bao nhiêu. Việc Tòa án không giải quyết hết nội dung yêu cầu của đương sự là giải quyết vụ án chưa triệt để, vi phạm nghiêm trọng tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

+ Đối với yêu cầu bồi thường tiền lương của cán bộ công nhân: Nguyên đơn cung cấp các Hợp đồng lao động, bảng nhận lương từ tháng 6/2010 đến tháng 12/2010 (có công chứng, chứng thực) và nhật ký thi công từ ngày 27/6/2010 đến 21/8/2010 (tài liệu này chưa được công chứng, chứng thực). Ngoài những tài liệu nêu trên, không có căn cứ khác để chứng minh việc tại thời điểm chờ thi công từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2010 những công nhân này đang làm gì, ở đâu, có mặt tại công trường hay không, xác nhận của bên Công ty T5 giám sát công trình đối với nội dung này như thế nào? Hơn nữa đối chiếu Nhật ký thi công công trình với Bảng chấm công có nhiều thời điểm có sự mâu thuẫn về số lượng người có mặt tại công trường. Theo nhật ký thi công công trình phản ánh thì từ ngày 27/8/2010 mãi ta luy sập không tiến hành bất kỳ hoạt động thi công nào nữa cho đến ngày 26/12/2010. Tuy nhiên phía nguyên đơn không lý giải vì sao vẫn bố trí đầy đủ nhân lực trong một khoảng thời gian dài, trong khi không hề có giải pháp nào để tiếp tục thi công công trình. Đồng thời, hồ sơ vụ án không có tài liệu nào khác phản ánh việc Công ty T4 đã thanh toán tiền lương cho người lao động làm việc tại công trình nhưng Tòa án vẫn chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường tiền lương của cán bộ công nhân là 297.401.000 đồng của nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật.

+ Đối với yêu cầu bồi thường chi phí khấu hao máy móc: Nguyên đơn cung cấp Bảng trích khấu hao tài sản cố định từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2010 do Công ty T4 ban hành. Ngoài tài liệu này không có tài liệu khác để chứng minh căn cứ để xác định trị giá khấu hao tài sản mà Công ty T4 đưa ra dựa trên cơ sở nào, mức độ khấu hao đã phù hợp chưa, cơ quan chuyên môn nào có thẩm quyền xác định giá trị này? Ngoài ra, không có biên bản làm việc với bên Công ty giám sát thi công hoặc với bên Ban quản lý dự án để xác định tại thời điểm chờ thi công từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2010 những máy móc này có tập kết

tại công trường để chờ thi công hay không? Do đó, với những tài liệu có tại hồ sơ chưa đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu bồi thường chỉ phí khấu hao máy móc là 273.160.000 đồng.

+ Quyết định mức bồi thường không có căn cứ pháp luật, mâu thuẫn với nhận định Tại phần nhận định, Tòa án chấp nhận 02 yêu cầu của nguyên đơn gồm chi phí bố trí công nhân 4 tháng chờ đợi quyết định của UBND huyện với số tiền 297.401.000 đồng và chi phí khấu hao máy móc với số tiền 273.160.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền phải bồi thường cho nguyên đơn là 570.561.000 đồng. Tuy nhiên, tại phần Quyết định, Tòa án lại buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 787.330.000 đồng là nhiều hơn số tiền nhận định, không có căn cứ pháp luật và gây thiệt hại cho quyền lợi ích hợp pháp của đương sự

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty T4, đại diện UBND huyện T4 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An trong hạn luật định, nội dung hình thức kháng nghị đúng quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An: Áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, kết quả tranh tụng và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quang Văn Đ vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần; đại diện Công ty Cổ phần T5 do nguyên đơn và bị đơn không cung cấp địa chỉ nên Tòa án không triệu tập được. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An đúng quy định tại các Điều 278, Điều 279, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ và được chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty T4 về nội dung chấp nhận tiền đặt cọc mua vật tư khi phải huỷ bỏ hợp đồng với số tiền 200.500.000 đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm 10.025.500 đồng.

Xét thấy về tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Toà án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm. Do yêu cầu của Công ty T4 không được chấp nhận nên Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty T4 chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng. Tuy nhiên đối với yêu cầu bồi thường tiền lương cho công nhân không phải chịu án phí, vì vậy chấp nhận một nội dung kháng cáo của nguyên đơn, do vụ án bị kháng cáo, kháng nghị nên về án phí sơ thẩm sẽ được Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền đặt cọc mua vật tư là 200.500.000 đồng, do nguyên đơn chưa cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc nguyên đơn đặt cọc mua vật tư để thực hiện Hợp đồng kinh tế số 27/2010/HĐKT/BĐH ngày 24/6/2010 giữa Ban điều hành kiên cố hoá trường, lớp học huyện T và Công ty T4. Tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn cung cấp tài liệu photo Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 11/2010/XH-TT ngày 05/7/2010 giữa Công ty T6 và Công ty Cổ phần G và Phiếu thu của ngày 05/7/2010 nộp tiền đặt cọc gạch 20.000.000 đồng; Hợp đồng kinh tế số 0107/2010/HĐKT giữa Công ty T4 với Công ty TNHH H2 Thường ngày 31/12/2010, Phiếu thu ngày 20/7/2010 của Công ty TNHH H3 thanh toán trước tiền mua xi măng số tiền 300.000.000 đồng, Biên bản làm việc ngày 31/12/2010 giữa Công ty T4 với Công ty TNHH H3 và Phiếu chi ngày 31/12/2010 của Công ty TNHH H3 trả lại cho Công ty T4 số tiền 150.000.000 đồng; Hợp đồng mua bán đá số 301/2010/HĐMB ngày 29/6/2010 giữa Công ty T4 và Công ty Cổ phần K, báo giá sản phẩm, kết quả thí nghiệm cường độ đá và phiếu thu ngày 30/6/2010 nộp tiền mua đá số tiền 30.500.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm không yêu cầu Công ty T4 cung cấp tài liệu gốc để đối chiếu; không đưa đại diện Công ty TNHH H3, Công ty Cổ phần K và Công ty Cổ phần G tham gia tố tụng để lấy lời khai, thu thập tài liệu chứng cứ nhưng bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T4 là chưa đúng. Toà án cấp phúc thẩm đã yêu cầu Công ty T4 cung cấp tài liệu gốc để xem xét; gửi văn bản cho Công ty TNHH H3, Công ty Cổ phần K và Công ty Cổ phần G để có ý kiến, tuy nhiên đến ngày xét xử phúc thẩm vẫn không nhận được ý kiến các Công ty này. Tại phiên toà phúc thẩm Công ty T4 đề nghị do chưa cung cấp được tài liệu gốc và chưa có ý kiến của Công ty TNHH H3, Công ty Cổ phần K, Công ty Cổ phần G nên rút một phần nội dung đơn khởi kiện và một phần nội dung kháng cáo yêu cầu bồi thường đặt cọc mua vật tư là 200.500.000 đồng và được bị đơn đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử huỷ và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung yêu cầu bồi thường tiền đặt cọc mua vật tư với số tiền 200.500.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện T4 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An.

[3.1] Kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không triệu tập đơn vị tư vấn thiết kế và người giám sát thi công tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ trách nhiệm bồi thường, mức độ bồi thường thiệt hại. Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ đã có cơ quan chuyên môn kết luận về nguyên nhân dẫn đến việc công trình không thể thực hiện được như quyết định phê duyệt đầu tư.

Xét thấy, tại quyết định số 2349/QĐ.UBND-CNXD ngày 03/6/2010 của UBND tỉnh N quyết định cho UBND huyện T4 (chủ đầu tư) được chỉ định thầu tư vấn giám sát thi công công trình. Tại Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình nhà học 2 tầng 8 phòng học Trường THCS L, huyện T của UBND tỉnh N đã quyết định đơn vị lập báo cáo dự thầu là Công ty Cổ phần T5 theo đề nghị của UBND huyện T4. Như vậy, đơn vị tư vấn thiết kế và giám sát thi công công trình do chủ đầu tư là UBND huyện T4 lựa chọn. Toà án cấp sơ thẩm không yêu cầu bị đơn cung cấp địa chỉ để triệu tập họ tham gia phiên toà là thiếu sót. Tuy nhiên đây là vụ án đòi bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng, theo nguyên đơn nguyên nhân sạt lở là do chủ đầu tư thực hiện khảo sát thiết kế, thẩm tra không đạt chất lượng, còn chủ đầu tư cho rằng nguyên nhân sạt lở là do trường hợp bất khả kháng. Đơn vị tư vấn và đơn vị thiết kế do chủ đầu tư chỉ định vì vậy trong vụ án này nếu được triệu tập thì họ chỉ tham gia với vai trò là người cung cấp chứng cứ, còn nếu xảy ra trách nhiệm bồi thường của đơn vị tư vấn và đơn vị thiết kế với chủ đầu tư thì đây là quan hệ pháp luật khác không giải quyết được trong vụ án này.

Toà án cấp phúc thẩm đã yêu cầu UBND huyện T4 cung cấp địa chỉ của Công ty Cổ phần T5 nhưng không cung cấp được nên Toà án cấp phúc thẩm không triệu tập được. Đối với ông Cao Bá H là giám sát thi công Toà án đã triệu tập và có mặt tại phiên toà phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp photo công văn số 1117-SXD/HĐXD ngày 15/8/2011 của Sở xây dựng nhưng Toà án cấp sơ thẩm không yêu cầu cung cấp bản sao có chứng thực hoặc bản gốc để đối chiếu là chưa đầy đủ. Quá trình xét xử phúc thẩm Toà án cấp phúc thẩm đã được Sở xây dựng cung cấp công văn số 1117-SXD/HĐXD ngày 15/8/2011. Nội dung công văn chỉ rõ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt có một số tồn tại:

- Thiếu bản vẽ Tổng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Bản vẽ mặt bằng định vị công trình không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng.
- Thiết kế San nền còn thiếu bản vẽ thiết kế đường đồng mức, bản vẽ mặt cắt dọc, mặt cắt ngang điển hình (mô tả địa hình, địa chất khu vực đặt công trình) nhưng vẫn lập được bản vẽ tính toán khối lượng san nền; cao trình thiết kế san nền không hợp lý.
- Không thiết kế kè chống sạt lở và không có biện pháp thi công san nền khi địa hình, địa chất đồi núi phức tạp và chiều cao bạt taly lớn.
- Các mặt cắt chính và mặt cắt công trình không thể thực hiện được địa

hình hiện trạng xung quanh công trình.

Các sai sót trên là nguyên nhân chính dẫn đến quá trình thi công san nền bị sạt lở núi. Sở xây dựng thấy các sai phạm trong thiết kế đối với công trình là do năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia thiết kế, thẩm tra quá yếu kém. Sở xây dựng sẽ tổ chức thanh tra xây dựng về các vấn đề liên quan đến hồ sơ thiết kế và điều kiện năng lực của các tổ chức tư vấn và cá nhân có liên quan.

Như vậy, Sở xây dựng tỉnh N đã trả lời nguyên nhân dẫn đến quá trình thi công san nền bị sạt lở núi là do thiết kế thẩm tra công trình yếu kém. Do đó, Công ty T4 tạm dừng thi công do bị sạt lở núi nguyên nhân là do lỗi của chủ đầu tư đã chỉ định nhà thiết kế, thẩm tra công trình kém, không phải là do nguyên nhân khách quan như chủ đầu tư trình bày.

[3.2] Nội dung kháng nghị không giải quyết hết yêu cầu của đương sự.

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường chi phí san nền là 216.769.000 đồng, chi phí nhân công là 297.401.000 đồng, chi phí khấu hao máy móc là 273.160.000 đồng và tiền phạt cọc là 200.500.000 đồng, tổng là 987.830.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm đã nhận định đủ 4 yêu cầu của nguyên đơn nhưng tại phần quyết định không chấp nhận tiền phạt cọc, chỉ nêu chấp nhận chi phí nhân công, chi phí khấu hao máy móc với tổng số tiền 787.330.000 đồng, không nêu chi phí san nền. Đây là thiếu sót Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên mặc dù phần quyết định không nêu chi phí san nền nhưng phần nhận định của bản án đã nhận định chấp nhận 3 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm chi phí nhân công, chi phí khấu hao máy móc, chi phí san nền là 787.330.000 đồng; mặc dù phần quyết định của bản án không nêu chi phí san nền nhưng đã quyết định tổng số tiền buộc bồi thường là 787.330.000 đồng bằng tổng số tiền đã nhận định tại phần nhận định; sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không kháng cáo nội dung này; tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn không có ý kiến gì và đồng ý với số tiền buộc bồi thường của Toà án cấp sơ thẩm. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà phúc thẩm bị đơn không đồng ý với yêu cầu buộc bồi thường của Toà án cấp sơ thẩm, đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Vì vậy, nội dung này đang được Toà án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.3] Đối với nội dung kháng nghị và kháng cáo số tiền buộc UBND huyện T4 bồi thường cho Công ty T4 là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu bồi thường số tiền chi phí san nền 216.769.000 đồng. Xét thấy quá trình thi công xảy ra sạt lở nên ngày 20/12/2010 đại diện chủ đầu tư, đại diện UBND xã L, đơn vị thi công, đơn vị tư vấn thiết kế, đơn vị giám sát đã lập biên bản kiểm tra hiện trường và xác định đơn vị thi công đã đào trên 40.000 m³ đất, đá. Ngày 17/6/2011, Ban điều hành huyện đã phối hợp với UBND xã L, đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công tiến hành kiểm tra và thống nhất trình phương án chuyển từ nhà học 2 tầng xuống 1 tầng để giảm độ sâu của mặt bằng nền nhà và đã xác định đơn vị thi công đã đào trên 40.000 m³ đất, đá; quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng thừa nhận đơn vị thi công đã đào 40.000 m³ đất, đá. Nội dung này được bị đơn thừa nhận và được báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh N và Sở Kế

hoạch và Đầu tư tỉnh N tại Công văn số 316 ngày 17/6/2011 của UBND huyện T4 về việc xin thay đổi quy mô đầu tư xây dựng công trình Trường THCS xã L.

Ngày 9/9/2015, Hội đồng nghiệm thu quyết toán tồn đọng đã có biên bản đề nghị quyết toán công trình tồn đọng công trình số 01/BB-HĐNT gồm có đại diện Ban điều hành kiên cố hóa trường, lớp học huyện ông Nguyễn Văn H1 - Trưởng ban, ông Trần Tuấn M - Kế toán; đại diện phòng công thương ông Nguyễn Văn T2 - Trưởng phòng, ông Lô Viết T3 - Cán bộ kỹ thuật; hội đồng quyết toán huyện ông Vang Kiên C1 - Trưởng phòng, ông Trịnh Xuân C2 - Cán bộ thẩm tra, quyết toán; đại diện UBND xã L ông Vi Đình P - Chủ tịch UBND xã đã nghiệm thu và kết luận khối lượng đào đất, đá đã thực hiện được 40.000 m³; vận chuyển bằng ô tô tự đổ, phạm vi =300m, đất cấp 3: 40.000 m³. Ngày 21/12/2018, Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện T đã lập tờ trình số 320 về việc xin quyết toán dự án nhà học 02 tầng 8 phòng học Trường THCS L1, xúc, vận chuyển đồ đất, đá là 40.000 m³ và đề nghị quyết toán 684.878.000 đồng.

Như vậy, Công ty T4 đã thực hiện công việc thi công (thực tế thi công và công việc đã hoàn thành) khối lượng đất, đá được đào, xúc, vận chuyển đồ là 40.000 m³ và UBND huyện T4 đề nghị quyết toán với số tiền 684.000.000 đồng được Sở T quyết toán với số tiền 484.328.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng không được chấp nhận.

Như đã phân tích ở mục 3.1 nguyên nhân dẫn đến sạt lở làm cho Công ty T4 không tiếp tục thi công công trình được là do lỗi của chủ đầu tư trong việc chọn đơn vị thiết kế; bị đơn thừa nhận Công ty T4 đã thực hiện công việc thi công đào khối lượng đất đá là 40.000 m³ và được đề nghị thanh toán số tiền 684.000.000 đồng, đây là chi phí thực tế mà Công ty T4 đã bỏ ra để san lấp mặt bằng. Công ty T4 mới được thanh toán 484.328.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng chưa được thanh toán buộc UBND huyện T4 bồi thường cho Công ty T4.

- Đối với tiền nhân công và hao mòn máy móc: Quá trình thi công đến ngày 27/8/2010 thì sạt lở đất, Công ty T4 đã thông báo cho chủ đầu tư là UBND huyện T. Từ đó đến ngày 26/12/2010 (ngày tạm dừng thi công), chủ đầu tư không có thông báo gì cho đơn vị thi công là Công ty T4 biết có tiếp tục thi công hay không để Công ty T4 có phương án bố trí công nhân và máy móc tại hiện trường thi công. Sau ngày 26/12/2010, chủ đầu tư thông báo tạm dừng thi công nên Công ty T4 không bố trí máy móc và công nhân tại hiện trường thi công nữa. Như vậy, Việc Công ty T4 cho rằng vẫn bố trí máy móc và công nhân tại hiện trường thi công là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tiền lương cho công nhân và khấu hao hao mòn máy móc là có cơ sở.

Về số lượng xe máy: Công ty T4 trình bày sử dụng máy xúc bánh lốp 01 xe, máy xúc bánh xích 02 xe, máy ủi D50 01 xe, ô tô bán tải 01 xe, ô tô tải 06 tấn 01 xe. Số xe máy này được dùng từ lễ khởi công ngày 27/6/2010 cho đến ngày 26/12/2010 khi các bên lập biên bản tạm ngừng thi công. Xét thấy tại phiên toà phúc thẩm, ông Cao Bá H là giám sát thi công tại hiện trường trình bày

không ký vào nhật ký thi công của Công ty T4. Tuy nhiên quá trình thi công ông Cao Bá H có vào hiện trường nơi Công ty T4 thi công 02 lần và kiểm tra có 01 xe máy xúc bánh xích, 01 xe ô tô tải đang làm việc và có thể có 01 máy xúc bánh lốp đang làm nơi khác tại công trình vì căn cứ vào hiện trường thi công thì phải có máy xúc bánh lốp mới làm việc được. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh Công ty T4 không bố trí máy móc từ ngày 27/8/2010 đến ngày 26/12/2010. Như vậy, mặc dù không có nhật ký thi công tuy nhiên căn cứ lời trình bày của ông Cao Bá H giám sát thi công tại hiện trường, đại diện Công ty T4 đồng ý có 03 xe máy tại hiện trường thi công, Hội đồng xét xử chấp nhận Công ty T4 có bố trí 03 xe máy là 01 máy xúc bánh xích, 01 máy xúc bánh lốp và 01 xe ô tô tải tại hiện trường thi công.

Đối với tiền hao mòn máy móc: Căn cứ Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Khấu hao máy móc được xác định như sau:

- Máy xúc bánh xích đưa vào sử dụng ngày 26/3/2010, nguyên giá 890.909.091 đồng, thời gian khấu hao 48 tháng, mức khấu hao 18.560.605 đồng/tháng x 04 tháng = 74.242.420 đồng.

- Máy xúc bánh lốp đưa vào sử dụng ngày 05/7/2010, nguyên giá 787.927.272 đồng, thời gian khấu hao 48 tháng, mức khấu hao 16.415.152 đồng/tháng x 04 tháng = 65.660.608 đồng.

- Xe ô tô tải 06 tấn đưa vào sử dụng ngày 01/01/2009, nguyên giá 344.400.000 đồng, thời gian khấu hao 72 tháng, mức khấu hao 4.783.333 đồng/tháng x 04 tháng = 19.133.332 đồng.

Tổng 159.036.360 đồng.

Về tiền lương cho công nhân: Xét thấy do phải để máy móc lại tại công trường nên cần người trông coi, bảo dưỡng nên chấp nhận tiền lương lái xe máy của 03 xe là 03 người trong 4 tháng theo mức lương tối thiểu vùng của huyện T theo nghị định số 74/2024/NĐ-CP là 3.450.000 đồng/tháng. Tổng cộng là (03 người x 3.450.000 đồng) x 04 tháng = 41.400.000 đồng.

Như vậy, chấp nhận tiền chi phí san lấp mặt bằng là 200.000.000 đồng, tiền khấu hao máy móc 159.036.360 đồng, tiền lương cho công nhân 41.400.000 đồng. Tổng cộng 400.436.360 đồng (bốn trăm triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Về án phí sơ thẩm:

Đối với yêu cầu buộc bồi thường tiền lương cho công nhân, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đối với yêu cầu hao mòn máy móc tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ buộc bồi thường hao mòn cho 03 xe máy nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đối với yêu cầu tiền đặt cọc vật tư mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo nhưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên UBND huyện T4, tỉnh Nghệ An phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty T4 và UBND huyện T4 nên Công ty T4 và UBND huyện T4 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn T4, Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An; sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 244; của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116; Điều 422 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2.1. Huỷ và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An bồi thường tiền đặt cọc mua vật tư do hợp đồng bị huỷ với số tiền 200.500.000 đồng.

2.2 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 về buộc về tiền san lấp, tiền lương công nhân và khấu hao máy móc.

Buộc ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An bồi thường thiệt hại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 tiền chi phí san lấp mặt bằng là 200.000.000 đồng, tiền khấu hao máy móc 159.036.360 đồng, tiền lương cho công nhân 41.400.000 đồng. Tổng cộng 400.436.360 đồng (bốn trăm triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 phải chịu 10.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.817.450 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010626 ngày 18/4/2022 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007344 ngày 17/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T4, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 số tiền 11.092.450 đồng.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An phải chịu 20.017.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007302 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T4, tỉnh Nghệ An. Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 19.717.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trường Thành và Ủy ban nhân dân huyện T4, tỉnh Nghệ An không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện T4;
- Chi Cục THADS huyện T4;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh